



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 111 + 112

Ngày 01 tháng 3 năm 2024

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- | | | |
|-------------|--|----|
| 05-02-2024- | Quyết định số 441/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. | 3 |
| 07-02-2024- | Quyết định số 477/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải. | 10 |
| 07-02-2024- | Quyết định số 480/QĐ-UBND về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của Quận 1. | 15 |

- 07-02-2024- Quyết định số 486/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo. 23
- 07-02-2024- Quyết định số 487/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo. 29
- 07-02-2024- Quyết định số 492/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính Đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân trực tuyến tiếp nhận tại Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức. 34
- 07-02-2024- Quyết định số 493/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính Đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân trực tuyến tiếp nhận tại Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn. 47
- 15-02-2024- Chỉ thị số 06/CT-UBND về tăng cường công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2024 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 60

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 441/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực
giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 2332/TTr-SLĐTBXH ngày 01 tháng 02 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 03 thủ tục hành chính được

sửa đổi, bổ sung lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <https://hochiminhcity.gov.vn/> (Bộ thủ tục hành chính chuẩn hóa).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố cho thủ tục có thứ tự A.1, B.1, C.1 tại danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 1334/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
(Kèm theo Quyết định số 441/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP CÔNG LẬP TRỰC THUỘC THÀNH PHỐ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp						
1	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	03 ngày làm việc	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp công trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp. - Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BLĐTBXH-BGDĐT-BTC ngày 16/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo, Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách nội trú quy định tại Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp. - Thông tư số 18/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. 	

					<p>- Thông tư số 08/2023/TT-BLĐTBXH ngày 28/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch có quy định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy hoặc giấy tờ có yêu cầu xác nhận nơi cư trú khi thực hiện thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</p> <p>- Quyết định số 87/QĐ-LĐTBXH ngày 18/01/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</p>	
--	--	--	--	--	---	--

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN, HUYỆN, THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp						
1	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại	03 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân quận, huyện và thành phố Thủ Đức (Phòng Lao động - Thương	Không	- Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp. - Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BLĐTBXH-BGDĐT-BTC ngày 16/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo, Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách nội trú quy định tại Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng	

các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực hoặc cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài		binh và Xã hội quận, huyện, Thành phố Thủ Đức)	<p>Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 18/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội. - Thông tư số 08/2023/TT-BLĐTBXH ngày 28/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch có quy định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy hoặc giấy tờ có yêu cầu xác nhận nơi cư trú khi thực hiện thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - Quyết định số 87/QĐ-LĐTBXH ngày 18/01/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. 	
---	--	--	---	--

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP CÔNG LẬP TRỰC THUỘC HUYỆN, QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TỈNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp						
1	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc quận, huyện, thành phố Thủ Đức	03 ngày làm việc	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc quận, huyện, thành phố Thủ Đức	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp. - Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BLĐTBXH-BGDĐT-BTC ngày 16/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách nội trú quy định tại Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp. - Thông tư số 18/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - Thông tư số 08/2023/TT-BLĐTBXH ngày 28/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch có quy định liên quan đến việc nộp, 	

				<p>xuất trình sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy hoặc giấy tờ có yêu cầu xác nhận nơi cư trú khi thực hiện thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</p> <p>- Quyết định số 87/QĐ-LĐTBXH ngày 18/01/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</p>	
--	--	--	--	---	--

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 477/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 1375/Tr-SGTVT ngày 31 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 01 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải.

Danh mục của thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <https://hochiminhcity.gov.vn/> (Bộ thủ tục hành chính chuẩn hóa).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2024.

Bãi bỏ nội dung công bố cho thủ tục có thứ tự B2.1 ban hành kèm theo Quyết định số 3650/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Giao thông vận tải và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 477/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Trường Cao đẳng Giao thông vận tải

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Lĩnh vực Đường thủy nội địa						
1	Cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	- 05 (năm) ngày làm việc. - 30 (ba mươi) ngày làm việc đối với trường hợp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn còn hạn sử dụng bị mất theo Khoản 4 Điều 16 Thông tư số	Trường Cao đẳng Giao thông vận tải	50.000 đồng/giấy	- Thông tư số 40/2019/TT-BGTVT ngày 15/10/2019 của Bộ Giao thông vận tải quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa. - Thông tư số 38/2023/TT-BGTVT ngày 18/12/2023 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2019/TT-BGTVT ngày 15/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận	Trình tự thực hiện: a) Nộp hồ sơ Trường Cao đẳng Giao thông vận tải. b) Giải quyết TTHC Trường Cao đẳng giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau: - Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ hợp lệ thì viết giấy hẹn lấy kết quả giải quyết và làm thủ tục xét cấp, cấp lại, chuyển đổi; nếu hồ sơ không hợp lệ theo quy định thì hướng dẫn cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		40/2019/TT-BGTVT			<p>tải quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phươg tiện thủy nội địa.</p> <p>- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.</p> <p>- Quyết định số 34/QĐ-BGTVT ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.</p> <p>- Thông báo số 847/TB-SGTVT ngày 23 tháng 02</p>	<p>thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không hợp lệ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trường Cao đẳng giao thông vận tải có văn bản gửi cá nhân yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;</p> <p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và người đề nghị xét cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn đã nộp phí, lệ phí theo quy định, Trường Cao đẳng giao thông vận tải trình Sở Giao thông vận tải thực hiện xét cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn.</p> <p>- Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn còn hạn sử dụng bị mất theo Khoản 4 Điều</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					năm 2017 của Sở Giao thông vận tải về thực hiện nhiệm vụ tổ chức thi sát hạch và cấp bằng, đổi bằng, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa và đảm nhiệm chức danh thuyền viên phương tiện thủy nội địa	16 Thông tư số 40/2019/TT-BGTVT) và người đề nghị xét cấp lại giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn đã nộp phí, lệ phí theo quy định, Trường Cao đẳng giao thông vận tải trình Sở Giao thông vận tải thực hiện xét cấp lại giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 480/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của Quận 1

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 113/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố về thông qua Danh mục dự án cần thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về thông qua Danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân Quận 1 tại Tờ trình số 4534/TTr-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2023 và của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 12344/TTr-TNMT-QLĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của Quận 1 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Diện tích các loại đất phân bổ trong năm kế hoạch.
2. Kế hoạch thu hồi các loại đất.
3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất.
4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng.

(Chi tiết tại phụ lục đính kèm).

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân Quận 1 có trách nhiệm phối hợp và thực hiện:

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.
2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.
3. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

Điều 3.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Xuân Cường

PHỤ LỤC

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 CỦA QUẬN 1

(Ban hành kèm theo Quyết định số 480/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

1. Diện tích các loại đất phân bổ trong năm kế hoạch:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Tân Định	Đa Kao	Bến Nghé	Bến Thành	Nguyễn Thái Bình	Phạm Ngũ Lão	Cầu Ông Lãnh	Cô Giang	Nguyễn Cư Trinh	Cầu Kho
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	Tổng diện tích tự nhiên		771,81	63,06	99,27	248,30	92,65	49,43	49,56	22,98	35,86	76,28	34,41
1	Đất nông nghiệp	NNP											
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	771,81	63,06	99,27	248,30	92,65	49,43	49,56	22,98	35,86	76,28	34,41
2.1	Đất quốc phòng	CQP	25,12		4,43	15,94			0,80		0,02	3,93	
2.2	Đất an ninh	CAN	24,36	0,02	1,11	0,27	0,40	0,06	0,06	1,08	0,18	20,46	0,72
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK											
2.4	Đất khu chế xuất	SKT											
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN											
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	76,41	2,49	8,56	37,38	9,16	6,17	2,02	0,75	2,38	6,54	0,98
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	3,44										3,44
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS											
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	305,82	20,64	38,44	98,11	51,34	21,99	19,89	10,78	12,92	19,42	12,30

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Tân Định	Đa Kao	Bến Nghé	Bến Thành	Nguyễn Thái Bình	Phạm Ngũ Lão	Cầu Ông Lãnh	Cô Giang	Nguyễn Cư Trinh	Cầu Kho
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	Trong đó:												
-	Đất giao thông	DGT	204,99	17,59	25,72	58,24	24,89	19,37	14,08	9,03	10,00	15,99	10,09
-	Đất thủy lợi	DTL	0,01	0,01									
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	14,75	0,04	0,45	5,70	6,77	1,32	0,18			0,20	0,09
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	13,49	0,40	0,49	8,63	0,60	0,01	2,34	0,01	0,44	0,58	0,01
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	25,47	1,65	3,87	11,05	1,74	0,53	2,03	1,37	1,32	1,66	0,26
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	7,21		2,65	1,18	3,14				0,23		
-	Đất công trình năng lượng	DNL	1,66	0,07	0,11	0,15	0,02	0,01	0,01	0,01	0,03	0,29	0,98
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	4,06	0,07	2,34	1,49	0,01			0,13			0,02
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG											
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	15,18			2,49	12,69						
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA											
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	13,02	0,34	0,85	8,33	0,06	0,21	1,13	0,22	0,48	0,61	0,77
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	0,02	0,001							0,002	0,012	
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH	3,38	0,15	1,77	0,85	0,14	0,04			0,34	0,09	

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Tân Định	Đa Kao	Bến Nghé	Bến Thành	Nguyễn Thái Bình	Phạm Ngũ Lão	Cầu Ông Lãnh	Cô Giang	Nguyễn Cư Trinh	Cầu Kho
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	0,19		0,10					0,02	0,07		
-	Đất chợ	DCH	2,39	0,33	0,09		1,29	0,49	0,11				0,07
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL											
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,14	0,029		0,014			0,029	0,014	0,019		0,04
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	43,33	0,16	5,77	20,47	6,24	1,00	9,66	0,03			
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT											
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	205,42	33,66	31,58	25,95	20,93	12,91	16,85	8,29	16,19	25,21	13,85
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	22,53	0,43	4,13	10,85	3,91	1,70	0,10	0,13	0,49	0,71	0,10
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	1,92	0,12	0,10			0,15	0,08		1,20	0,01	0,25
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	6,47		1,61	4,36	0,50						
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	1,15	0,47	0,16		0,18	0,13	0,08	0,09	0,03		0,01
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	55,69	5,04	3,39	34,95		5,32		1,81	2,45		2,73
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC											
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK											
3	Đất đô thị*	KDT	771,81	63,06	99,27	248,30	92,65	49,43	49,56	22,98	35,86	76,28	34,41

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Tân Định	Đa Kao	Bến Nghé	Bến Thành	Nguyễn Thái Bình	Phạm Ngũ Lão	Cầu Ông Lãnh	Cô Giang	Nguyễn Cư Trinh	Cầu Kho
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON											
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC											
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK											

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất:

Đơn vị tính: ha

ST T	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Tân Định	Đa Kao	Bến Nghé	Bến Thành	Nguyễn Thái Bình	Phạm Ngũ Lão	Cầu Ông Lãnh	Cô Giang	Nguyễn Cư Trinh	Cầu Kho
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN											
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp	NNP/NNP											
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	0,0105			0,0057							0,0048

4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng: trên địa bàn Quận 1 không có diện tích đất chưa sử dụng./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 486/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 704 /TTr-SGDĐT ngày 06 tháng 02 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 02 thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <https://hochiminhcity.gov.vn/> (Bộ thủ tục hành chính

chuẩn hóa).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 486/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

A. Thủ tục hành chính mới thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Giáo dục và Đào tạo

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân						
1	Đề nghị đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Các đơn vị gửi hồ sơ đề nghị đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp tỉnh đến Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 15 tháng 01 hằng năm. - Thời gian hoàn thành việc đánh giá, công nhận đơn vị đạt “Đơn vị học tập” cấp tỉnh trước ngày 15 tháng 02 hằng năm. 	Sở Giáo dục và Đào tạo	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 24/2023/TT-BGDĐT ngày 11/12/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp huyện, tỉnh. - Quyết định số 98/QĐ-BGDĐT ngày 05/01/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực giáo dục và đào tạo 	<p>Trình tự thực hiện: bổ sung nội dung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp nhận, rà soát, kiểm tra hồ sơ đề nghị công nhận “Đơn vị học tập” cấp tỉnh. - Sở Giáo dục và Đào tạo thành lập Hội đồng đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp tỉnh (sau đây gọi là Hội đồng đánh giá cấp tỉnh). - Hội đồng đánh giá cấp tỉnh họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản của các ủy viên Hội đồng đánh giá cấp tỉnh để thẩm định hồ sơ đề nghị công nhận “Đơn vị học tập” cấp tỉnh. - Trường hợp đơn vị không đáp ứng đủ điều kiện công nhận “Đơn vị học tập” cấp tỉnh, Hội đồng đánh giá cấp tỉnh báo cáo Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo để

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo	có văn bản trả lời đơn vị và nêu rõ lý do không đạt. - Trường hợp đơn vị đáp ứng đủ điều kiện công nhận “Đơn vị học tập” cấp tỉnh, Hội đồng đánh giá cấp tỉnh hoàn thiện hồ sơ, báo cáo Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo để có văn bản trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định công nhận đơn vị đạt “Đơn vị học tập” cấp tỉnh.

B. Thủ tục hành chính mới thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân						
1	Đề nghị đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Các đơn vị gửi hồ sơ đề nghị đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp huyện đến Phòng Giáo dục và Đào tạo trước ngày 15 tháng 01 hằng năm. - Thời gian hoàn thành việc đánh giá, công nhận đơn vị đạt “Đơn vị học tập” cấp huyện trước ngày 15 tháng 02 hằng năm. 	Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức hoặc Phòng Giáo dục và Đào tạo (trường hợp bố trí bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Phòng Giáo dục và Đào tạo).	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 24/2023/TT-BGDĐT ngày 11/12/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp huyện, tỉnh. - Quyết định số 98/QĐ-BGDĐT ngày 05/01/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về công bố thủ tục hành chính mới 	<p>Trình tự thực hiện: bổ sung nội dung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Phòng Giáo dục và Đào tạo rà soát, kiểm tra hồ sơ đề nghị công nhận “Đơn vị học tập” cấp huyện. - Phòng Giáo dục và Đào tạo thành lập Hội đồng đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp huyện (sau đây gọi là Hội đồng đánh giá cấp huyện). - Hội đồng đánh giá cấp huyện họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản của các ủy viên Hội đồng đánh giá cấp huyện để thẩm định hồ sơ đề nghị công nhận

				<p>ban hành lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo</p>	<p>“Đơn vị học tập” cấp huyện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp đơn vị không đáp ứng đủ điều kiện công nhận “Đơn vị học tập” cấp huyện, Hội đồng đánh giá cấp huyện báo cáo Trường phòng Giáo dục và Đào tạo để có văn bản trả lời đơn vị và nêu rõ lý do không đạt; - Trường hợp đơn vị đáp ứng đủ điều kiện công nhận “Đơn vị học tập” cấp huyện, Hội đồng đánh giá cấp huyện hoàn thiện hồ sơ, báo cáo Trường phòng Giáo dục và Đào tạo để có văn bản trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định công nhận đơn vị đạt “Đơn vị học tập” cấp huyện.
--	--	--	--	---	---

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 487/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 705/TTr-SGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 02 thủ tục hành chính lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo, gồm: 01 thủ tục hành chính mới ban hành, 01 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung.

Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban

nhân dân Thành phố tại địa chỉ <https://hochiminhcity.gov.vn/> (Bộ thủ tục hành chính chuẩn hóa).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 02 năm 2024.

Bãi bỏ nội dung công bố cho thủ tục hành chính có thứ tự B1.II.02 tại danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm Quyết định số 2887/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực giáo dục và đào tạo; văn bằng, chứng chỉ; giáo dục mầm non; thi, tuyển sinh; giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 487/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

A. Thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Giáo dục và Đào tạo

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân						
1	Đề nghị đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp huyện	- Các huyện, quận, thành phố Thủ Đức gửi hồ sơ đề nghị đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp huyện đến Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 30 tháng 4 của năm sau liền kề năm đánh giá. - Thời gian hoàn thành việc đánh giá, công	Sở Giáo dục và Đào tạo	Không	- Thông tư số 25/2023/TT-BGDĐT ngày 27/12/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã, huyện, tỉnh. - Quyết định số 292/QĐ-BGDĐT ngày 16/1/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố thủ tục hành chính mới ban hành và thủ tục	Trình tự thực hiện: bổ sung nội dung - Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp nhận, rà soát, kiểm tra hồ sơ đề nghị công nhận “Cộng đồng học tập” cấp huyện - Sở Giáo dục và Đào tạo thành lập Hội đồng đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp huyện (sau đây gọi tắt là Hội đồng đánh giá cấp tỉnh). - Hội đồng đánh giá cấp tỉnh tổ chức họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên Hội đồng đánh giá cấp tỉnh để thẩm định hồ sơ đề nghị công nhận “Cộng đồng học tập” cấp huyện. - Trường hợp huyện không đáp ứng đủ điều kiện công nhận “Cộng đồng học tập” cấp huyện, Hội đồng đánh giá cấp tỉnh trình Giám đốc Sở Giáo dục và Đào

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		nhận đơn vị đạt “Cộng đồng học tập” cấp huyện trước ngày 31 tháng 5 của năm sau liền kề năm đánh giá.			hành chính được thay thế lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo	tạo có văn bản trả lời Ủy ban nhân dân cấp huyện và nêu rõ lý do không đạt. - Trường hợp huyện đáp ứng đủ điều kiện công nhận “Cộng đồng học tập” cấp huyện, Hội đồng đánh giá cấp tỉnh hoàn thiện hồ sơ và trình Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định công nhận huyện đạt “Cộng đồng học tập” cấp huyện.

B. Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân						
1	Đề nghị đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã	- Các xã, phường, thị trấn gửi hồ sơ đề nghị đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã đến Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành	Ủy ban nhân dân quận, thành phố Thủ Đức hoặc Phòng Giáo dục và Đào tạo (trường hợp bố trí bộ	Không	- Thông tư số 25/2023/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã,	Trình tự thực hiện: bổ sung nội dung - Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Phòng Giáo dục và Đào tạo tiếp nhận, rà soát, kiểm tra hồ sơ đề nghị công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã. - Trường phòng Giáo dục và Đào tạo thành lập Hội đồng đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã (sau đây gọi tắt là Hội đồng đánh giá cấp huyện).

	<p>phó Thủ Đức hoặc Phòng Giáo dục và Đào tạo trước ngày 28 tháng 02 của năm sau liền kề năm đánh giá.</p> <p>- Thời gian hoàn thành việc đánh giá, công nhận đơn vị đạt “Cộng đồng học tập” cấp xã trước ngày 31 tháng 3 của năm sau liền kề năm đánh giá.</p>	<p>phận tiếp nhận và trả kết quả tại Phòng Giáo dục và Đào tạo).</p>	<p>huyện, tỉnh.</p> <p>- Quyết định số 292/QĐ-BGDĐT ngày 16/01/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố thủ tục hành chính mới ban hành và thủ tục hành chính được thay thế lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo</p>	<p>Hội đồng đánh giá cấp huyện họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên Hội đồng để thẩm định hồ sơ đề nghị công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã.</p> <p>- Trường hợp xã không đáp ứng đủ điều kiện công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã, Hội đồng đánh giá cấp huyện trình Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo có văn bản trả lời Ủy ban nhân dân cấp xã và nêu rõ lý do không đạt.</p> <p>- Trường hợp xã đáp ứng đủ điều kiện công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã, Hội đồng đánh giá cấp huyện hoàn thiện hồ sơ và trình Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định công nhận xã đạt “Cộng đồng học tập” cấp xã.</p>
--	---	--	--	--

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 492/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính
Đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân trực tuyến tiếp nhận
tại Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt phương án tái cấu trúc, đơn giản hóa thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 650/TTr-STP ngày 30 tháng 01 năm 2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính Đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân trực tuyến đã được tái cấu trúc theo các phương án tại Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch UBND Thành phố thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức.

Danh mục và nội dung chi tiết của các quy trình nội bộ được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/KenhTin/Quy-trinh-noi-bo-TTHC.aspx>.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được phê duyệt là cơ sở để xây dựng quy trình điện tử, thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố.

2. Cơ quan, đơn vị thực hiện thủ tục hành chính có trách nhiệm:

a) Tuân thủ theo quy trình nội bộ đã được phê duyệt khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức; không tự đặt thêm thủ tục, giấy tờ ngoài quy định pháp luật.

b) Thường xuyên rà soát, cập nhật các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được phê duyệt mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ khi có biến động theo quy định pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ các Quyết định trước đây trái với Quyết định này.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH**Phan Văn Mãi**

QUY TRÌNH 1**Đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân trực tuyến tại****Ủy ban nhân dân cấp huyện**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 492/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân.	01	Nhập thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công
Người có yêu cầu tải lên các giấy tờ sau:			
02	<p>+ Giấy tờ hợp lệ để chứng minh người có yêu cầu đủ điều kiện kết hôn:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Giấy xác nhận của tổ chức y tế có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài xác nhận các bên kết hôn không mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác mà không có khả năng nhận thức, làm chủ được hành vi của mình; • Giấy tờ chứng minh tình trạng hôn nhân của người nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của nước mà người đó là công dân cấp còn giá trị sử dụng, xác nhận hiện tại người đó không có vợ hoặc không có chồng; trường hợp nước ngoài không cấp xác nhận tình trạng hôn nhân thì thay bằng giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài xác nhận người đó có đủ điều kiện kết hôn theo pháp luật nước đó. • Người nước ngoài, công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài phải nộp bản sao hộ chiếu/giấy tờ có 	01	Bản chụp từ bản chính/bản sao điện tử theo quy định

	<p>giá trị thay thế hộ chiếu.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Công dân Việt Nam đã ly hôn hoặc hủy việc kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài phải nộp bản sao trích lục hộ tịch về việc đã ghi vào sổ việc ly hôn hoặc hủy việc kết hôn trái pháp luật (Trích lục ghi chú ly hôn). • Công dân Việt Nam là công chức, viên chức hoặc đang phục vụ trong lực lượng vũ trang phải nộp văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý xác nhận việc kết hôn với người nước ngoài không trái với quy định của ngành đó. • Trường hợp người yêu cầu đăng ký kết hôn đang công tác, học tập, lao động có thời hạn ở nước ngoài thì phải nộp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài cấp. 		
03	Hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong CSDLQGVC, CSDLHTĐT, được hệ thống điền tự động thì không phải tải lên.	01	Bản chụp từ bản chính/bản sao điện tử theo quy định
04	Giấy tờ chứng minh nơi cư trú. Trường hợp thông tin nơi cư trú đã có trong CSDLQGVC, được điền tự động thì không phải tải lên.	01	Bản chụp từ bản chính/bản sao điện tử theo quy định

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
------------------------------	-----------------	--------

<p>Người có yêu cầu truy cập Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố (https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn), đăng ký tài khoản (nếu chưa có tài khoản), xác thực người dùng theo hướng dẫn, đăng nhập vào hệ thống (bên nam hoặc bên nữ có thể nộp hồ sơ mà không cần có văn bản ủy quyền của bên còn lại).</p>	<p>Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.</p>	<p>1.000.000 đồng/trường hợp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục kết hôn (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.
---	--	---

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	<p>Thành phần hồ sơ theo mục I</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người có yêu cầu cung cấp thông tin trên biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân (có mẫu kèm theo); đính kèm bản chụp hoặc bản sao điện tử các giấy tờ, tài liệu theo quy định; nộp phí, lệ phí thông qua chức năng thanh toán trực tuyến hoặc bằng cách thức khác theo quy định pháp luật, hoàn tất việc nộp hồ sơ.
	Kiểm tra tính chính xác, đầy	Bộ phận tiếp nhận		BM 01 BM 02 BM 03	<p>Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ:</p> <p>1.1. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
	đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ	và trả kết quả	½ ngày làm việc		<p>thì chuyển hồ sơ để công chức làm công tác hộ tịch xử lý, đồng thời gửi thông báo qua thư điện tử hoặc tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu, trong đó nêu rõ thời gian trả kết quả. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ sau 15h00 mà không thể giải quyết ngay thì gửi Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu, trong đó nêu rõ thời gian trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo;</p> <p>1.2. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì gửi thông báo qua thư điện tử hoặc tin nhắn qua điện thoại di động cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước 1.1;</p> <p>1.3. Trường hợp người có yêu cầu không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Lãnh đạo UBND gửi thông báo từ chối giải quyết qua thư điện tử hoặc tin nhắn qua điện thoại di động cho người yêu cầu.</p>
B2	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết	Công chức thụ lý hồ sơ	06 ngày làm việc	Theo mục I BM 01	<p>Công chức thụ lý hồ sơ thẩm tra hồ sơ, đề xuất hướng giải quyết:</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định: Công chức thụ lý hồ</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
	quả giải quyết TTHC	Phòng Tư pháp		Hồ sơ trình (dự thảo kết quả)	<p>sơ thực hiện việc ghi vào Sổ đăng ký kết hôn, cập nhật thông tin đăng ký kết hôn và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung; in Giấy chứng nhận kết hôn, trình Lãnh đạo Phòng Tư pháp xem xét.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ không đảm bảo theo quy định: Dự thảo văn bản từ chối hoặc bổ sung hồ sơ.</p> <p>Thực hiện chuyển hồ sơ trên Cổng dịch vụ công đến Lãnh đạo Phòng Tư pháp.</p>
B3	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng Tư pháp	02 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ trình - Dự thảo kết quả 	<ul style="list-style-type: none"> - Xem xét hồ sơ, phê duyệt phiếu trình, ký nháy kết quả, trình Lãnh đạo UBND cấp huyện ký duyệt. - Thực hiện chuyển hồ sơ trên Cổng dịch vụ công đến Lãnh đạo UBND cấp huyện.
B4	Ký duyệt	Lãnh đạo UBND cấp huyện	02 ngày làm việc	Hồ sơ trình kèm dự thảo kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Xem xét hồ sơ, ký duyệt kết quả. - Thực hiện chuyển hồ sơ trên Cổng dịch vụ công đến văn thư để ban hành văn bản.
B5	Ban hành văn bản	Văn thư UBND cấp huyện	1/2 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản, chuyển hồ sơ cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B6	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Theo Giấy hẹn	Kết quả	<p>- Trả kết quả cho công dân</p> <p>Hai bên nam, nữ phải có mặt, xuất trình giấy tờ tùy thân (<i>hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng</i>) để xác định đúng nhân thân, kiểm tra thông tin trên Giấy chứng nhận kết hôn, trong Sổ đăng ký kết hôn, khẳng định sự tự nguyện kết hôn và ký Sổ ĐKKH, ký Giấy chứng nhận kết hôn, mỗi bên nam, nữ nhận 01 bản chính Giấy chứng nhận kết hôn.</p> <p>- Thống kê, theo dõi.</p> <p>- Thực hiện đính kèm kết quả trên hệ thống dịch vụ công.</p>

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có)
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (nếu có)
4	BM 04	Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân
5	BM 05	Phiếu theo dõi quá trình xử lý công việc

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ (nếu có)
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (nếu có)
4	BM 04	Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân
5	BM 05	Giấy chứng nhận kết hôn (bản chụp)
6	//	Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Hộ tịch năm 2014;
- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;
- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;
- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;
- Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;
- Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 04 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;
- Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;
- Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;
- Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định

danh và xác thực điện tử;

- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;

- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;

- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.

- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Nghị quyết số 124/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố về các loại phí và lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

- Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành mức thu 10 loại phí và 7 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG BIỂU MẪU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC ĐĂNG KÝ KẾT HÔN, XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG HÔN NHÂN

I. Thông tin về bên nữ có yêu cầu giải quyết TTHC cấp Đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân

- (1) Ảnh (trường hợp làm thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài);
- (2) Họ, chữ đệm, tên;
- (3) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (4) Giới tính;
- (5) Dân tộc;
- (6) Quốc tịch;
- (7) Số định danh cá nhân;
- (8) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (9) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú);
- (10) Kết hôn lần thứ mấy;
- (11) Tình trạng hôn nhân;
- (12) Yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân:
 - Có
 - Không
- (13) Nơi xác nhận tình trạng hôn nhân:

II. Thông tin bên nam có yêu cầu giải quyết TTHC cấp Đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân

- (1) Ảnh (trường hợp làm thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài);
- (2) Họ, chữ đệm, tên;
- (3) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (4) Giới tính;
- (5) Dân tộc;

(6) Quốc tịch;

(7) Số định danh cá nhân;

(8) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(9) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú);

(10) Kết hôn lần thứ mấy;

(11) Tình trạng hôn nhân;

(12) Yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân:

Có

Không

(13) Đề nghị cấp bản sao Giấy chứng nhận kết hôn:

Có

Số lượng bản sao yêu cầu: ...

Không

(14) Hồ sơ đính kèm theo quy định.

* Người yêu cầu cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật, việc kết hôn của hai bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm quy định của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam, chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

* Biểu mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Nơi xác nhận tình trạng hôn nhân là nơi người có yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân thường trú, trường hợp ĐKKH tại nơi thường trú thì không cần xác nhận tình trạng hôn nhân

Người yêu cầu đăng ký kết hôn nhận bản chính Giấy chứng nhận kết hôn trực tiếp tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

Bản điện tử sẽ tự động gửi về địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

Lưu ý: Người có yêu cầu đăng ký kết hôn chỉ cần khai thông tin về họ, chữ đệm, tên; số định danh cá nhân, các thông tin còn lại sẽ tự động điền vào biểu mẫu điện tử tương tác.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 493/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính
Đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân trực tuyến tiếp nhận
tại Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt phương án tái cấu trúc, đơn giản hóa thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 650/TTr-STP ngày 30

tháng 01 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính Đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân trực tuyến đã được tái cấu trúc theo các phương án tại Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch UBND Thành phố thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn.

Danh mục và nội dung chi tiết của các quy trình nội bộ được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/KenhTin/Quy-trinh-noi-bo-TTHC.aspx>.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được phê duyệt là cơ sở để xây dựng quy trình điện tử, thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố.

2. Cơ quan, đơn vị thực hiện thủ tục hành chính có trách nhiệm:

a) Tuân thủ theo quy trình nội bộ đã được phê duyệt khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức; không tự đặt thêm thủ tục, giấy tờ ngoài quy định pháp luật.

b) Thường xuyên rà soát, cập nhật các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được phê duyệt mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ khi có biến động theo quy định pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ các Quyết định trước đây trái với Quyết định này.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành

phổ Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi

QUY TRÌNH**Đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân trực tuyến tại UBND cấp xã***(Ban hành kèm theo Quyết định số 493/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2024**của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)***I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ**

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân	01	Nhập thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công
Người có yêu cầu tải lên các giấy tờ sau:			
02	Hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong CSDLQGVCĐ, CSDLHTĐT được hệ thống điện tử động thì không phải tải lên.	01	Bản chụp từ bản chính/Bản sao điện tử theo quy định
03	Giấy tờ chứng minh nơi cư trú. Trường hợp thông tin nơi cư trú đã có trong CSDLQGVCĐ, được điện tử động thì không phải tải lên.	01	Bản chụp từ bản chính/Bản sao điện tử theo quy định
04	Trích lục ghi chú ly hôn đối với trường hợp công dân Việt Nam đăng ký thường trú tại địa bàn xã làm thủ tục đăng ký kết hôn, đã được giải quyết việc ly hôn, hủy việc kết hôn trước đó tại cơ quan có thẩm quyền nước ngoài.	01	Bản chụp từ bản chính/bản sao điện tử theo quy định

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Người có yêu cầu truy cập Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố	Ngay trong ngày làm việc, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết	- Miễn lệ phí. - Phí cấp bản sao Trích lục

<p>(https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn), đăng ký tài khoản (nếu chưa có tài khoản), xác thực người dùng theo hướng dẫn, đăng nhập vào hệ thống (bên nam hoặc bên nữ có thể nộp hồ sơ mà không cần có văn bản ủy quyền của bên còn lại).</p>	<p>được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc.</p>	<p>kết hôn, (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</p>
--	---	--

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	<p>Thành phần hồ sơ theo mục I</p> <p>- Người có yêu cầu cung cấp thông tin trên biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân (có mẫu kèm theo); đính kèm bản chụp hoặc bản sao điện tử các giấy tờ, tài liệu theo quy định; nộp phí, lệ phí thông qua chức năng thanh toán trực tuyến hoặc bằng cách thức khác theo quy định pháp luật, hoàn tất việc nộp hồ sơ.</p>
	Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	02 giờ làm việc	Theo mục I BM 01 BM 02 BM 03	<p>Cán bộ tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ:</p> <p>1.1. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì chuyển hồ sơ để công chức làm công tác hộ tịch xử lý, đồng thời gửi thông báo qua thư điện tử hoặc tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu, trong đó nêu rõ thời gian trả kết quả. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
					<p>sau 15h00 mà không thể giải quyết ngay thì gửi Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu, trong đó nêu rõ thời gian trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo;</p> <p>1.2. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì gửi thông báo qua thư điện tử hoặc tin nhắn qua điện thoại di động cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước 1.1;</p> <p>1.3. Trường hợp người có yêu cầu không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Lãnh đạo UBND gửi thông báo từ chối giải quyết qua thư điện tử hoặc tin nhắn qua điện thoại di động cho người yêu cầu.</p>
B2	Thẩm định hồ sơ, xuất kết quả giải quyết TTHC	Công chức thụ lý hồ sơ	04 giờ làm việc (trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 04	Theo mục I BM 01 Hồ sơ (dự thảo kết quả)	<p>Công chức thụ lý hồ sơ thẩm tra hồ sơ, đề xuất hướng giải quyết:</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định: Công chức thụ lý hồ sơ thực hiện việc ghi vào Sổ đăng ký kết hôn, cập nhật thông tin đăng ký kết hôn và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung; in Giấy chứng nhận kết hôn, trình Lãnh đạo UBND cấp xã</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
			ngày làm việc)		xem xét, ký duyệt. - Trường hợp hồ sơ không đảm bảo theo quy định: Dự thảo văn bản từ chối hoặc bổ sung hồ sơ. Thực hiện chuyển hồ sơ trên Cổng dịch vụ công đến Lãnh đạo UBND cấp xã.
B3	Ký duyệt	Lãnh đạo UBND cấp xã	1,5 giờ làm việc	Theo Mục I Hồ sơ trình	- Xem xét hồ sơ, ký duyệt tờ trình kèm kết quả. - Thực hiện chuyển hồ sơ trên Cổng dịch vụ công đến văn thư để ban hành văn bản.
B4	Ban hành văn bản	Văn thư UBND cấp xã	0,5 giờ làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản, chuyển hồ sơ cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.
B5	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Theo Giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho công dân. Hai bên nam, nữ phải có mặt, xuất trình giấy tờ tùy thân (<i>hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng</i>) để xác định đúng nhân thân, kiểm tra thông tin trên Giấy chứng nhận kết hôn, trong Sổ đăng ký kết hôn, khẳng định sự tự nguyện kết hôn và ký Sổ ĐKKH, ký Giấy chứng nhận kết hôn, mỗi bên nam, nữ nhận 01 bản chính Giấy chứng nhận kết hôn. - Thống kê, theo dõi. - Thực hiện đính kèm kết quả trên hệ thống dịch vụ công.

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có)
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (nếu có)
4	BM 04	Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân
5	BM 05	Phiếu theo dõi quá trình xử lý công việc

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ (nếu có)
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (nếu có)
4	BM 04	Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân
5	BM 05	Giấy chứng nhận kết hôn (bản chụp)
6	//	Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Hộ tịch năm 2014;
- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;
- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;
- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;
- Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

- Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 04 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;
- Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;
- Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;
- Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử;
- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;
- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;
- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;
- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.
- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng

nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Nghị quyết số 124/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố về các loại phí và lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

- Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành mức thu 10 loại phí và 7 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG BIỂU MẪU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC ĐĂNG KÝ KẾT HÔN, XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG HÔN NHÂN

I. Thông tin về bên nữ có yêu cầu giải quyết TTHC cấp Đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân

- (1) Ảnh (trường hợp làm thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài);
- (2) Họ, chữ đệm, tên;
- (3) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (4) Giới tính;
- (5) Dân tộc;
- (6) Quốc tịch;
- (7) Số định danh cá nhân;
- (8) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (9) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú);
- (10) Kết hôn lần thứ mấy;
- (11) Tình trạng hôn nhân;
- (12) Yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân:
 Có
 Không
- (13) Nơi xác nhận tình trạng hôn nhân:

II. Thông tin bên nam có yêu cầu giải quyết TTHC cấp Đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân

- (1) Ảnh (trường hợp làm thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài);
- (2) Họ, chữ đệm, tên;
- (3) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (4) Giới tính;
- (5) Dân tộc;

(6) Quốc tịch;

(7) Số định danh cá nhân;

(8) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(9) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú);

(10) Kết hôn lần thứ mấy;

(11) Tình trạng hôn nhân;

(12) Yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân:

Có

Không

(13) Đề nghị cấp bản sao Giấy chứng nhận kết hôn:

Có

Số lượng bản sao yêu cầu: ...

Không

(14) Hồ sơ đính kèm theo quy định.

* Người yêu cầu cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật, việc kết hôn của hai bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm quy định của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam, chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

* Biểu mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Nơi xác nhận tình trạng hôn nhân là nơi người có yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân thường trú, trường hợp ĐKKH tại nơi thường trú thì không cần xác nhận tình trạng hôn nhân

Người yêu cầu đăng ký kết hôn nhận bản chính Giấy chứng nhận kết hôn trực tiếp tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

Bản điện tử sẽ tự động gửi về địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

Lưu ý: Người có yêu cầu đăng ký kết hôn chỉ cần khai thông tin về họ, chữ đệm, tên; số định danh cá nhân, các thông tin còn lại sẽ tự động điền vào biểu mẫu điện tử tương tác.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06/CT-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2024

CHỈ THỊ

Về tăng cường công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2024 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Năm 2023, trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đã xảy ra 05 đợt mưa giông, lốc xoáy, 05 đợt triều cường trên báo động cấp III và 03 vụ sạt lở bờ sông; thiên tai đã làm 01 người chết, sập hoàn toàn 01 căn nhà, tốc mái, hư hỏng 08 căn nhà, ngã đổ 09 cây xanh, bể 08m bờ bao, sạt lở 824m² đất. Dự báo trong năm 2024, tình hình thời tiết, thiên tai sẽ tiếp tục có những diễn biến phức tạp, khó lường; qua đó, đòi hỏi sự nỗ lực, tập trung của cả hệ thống chính trị đối với công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn để giảm thiểu tối đa rủi ro, thiệt hại.

Thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai; Kế hoạch số 367/KH-TU ngày 27 tháng 5 năm 2020 của Thành ủy về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Ban Bí thư; Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai; Quyết định số 379/QĐ-TTg ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về triển khai thực hiện Chiến lược Quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1651/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình tổng thể phòng, chống thiên tai Quốc gia;

Xét đề nghị của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự - Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố tại Tờ trình số 11/TTr-PCTT ngày 05 tháng 02 năm 2024; để chủ động phòng chống, ứng phó kịp thời và có hiệu quả, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai, sự cố tai nạn gây ra, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội của Thành phố năm 2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu:

1. Các cấp, các ngành triển khai thực hiện tốt các nội dung sau đây

a) Tổ chức tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm về công tác chỉ đạo, điều hành phòng chống, ứng phó thiên tai, tìm kiếm cứu nạn; phát huy những ưu điểm, những chương trình, dự án, công việc mang lại hiệu quả thiết thực; đồng thời, làm rõ nguyên nhân những mặt còn hạn chế, tồn tại để có biện pháp chấn chỉnh, khắc phục. Chú trọng nâng cao năng lực điều hành, chỉ huy, thực hiện các biện pháp phòng chống, ứng phó sự cố, thiên tai ngay tại cơ sở, nhất là các địa bàn xung yếu. Thời gian hoàn thành chậm nhất trong tháng 4 năm 2024 và báo cáo kết quả về Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự - Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Tiếp tục quán triệt và triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Phòng chống thiên tai, Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Điều kiện và các văn bản dưới luật; Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai; Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai; Quyết định số 379/QĐ-TTg ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về triển khai thực hiện Chiến lược Quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 553/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, đến năm 2030”; Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch phòng, chống thiên tai Quốc gia đến năm 2025; Quyết định số 1651/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình tổng thể phòng, chống thiên tai Quốc gia; Quyết định số 535/QĐ-TTg ngày 20 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Phát triển, nâng cao năng lực ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đến năm 2030, định hướng đến năm 2045.

Đồng thời tiếp tục, triển khai thực hiện Kế hoạch số 367-KH/TU ngày 27 tháng 5 năm 2020 của Thành ủy về triển khai thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Ban Bí thư; Chương trình hành động số 41-CTrHĐ/TU ngày 07

tháng 6 năm 2023 của Thành ủy về thực hiện Kết luận số 36-KL/TW ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045; Kế hoạch số 5570/KH-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai; Quyết định số 629/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Kế hoạch tổng thể Phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030; Quyết định số 1337/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch Phòng, chống thiên tai trên địa bàn Thành phố đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 3481/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 3089/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, đến năm 2030” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Kế hoạch số 2614/KH-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về Kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Chủ động phòng, chống thiên tai, xây dựng cộng đồng an toàn” giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn Thành phố.

Trường hợp có khó khăn, vướng mắc cần kịp thời báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố để xem xét, giải quyết.

c) Tổ chức kiện toàn Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự - Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các cấp, các ngành phù hợp quy định hiện hành để đảm bảo công tác chỉ huy, điều hành ứng phó sự cố, thiên tai.

2. Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự - Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố

a) Thường xuyên rà soát việc thực hiện nội dung Chỉ thị này của các địa phương, đơn vị để kịp thời đôn đốc, hướng dẫn nhằm hoàn thành tốt các công việc được giao. Phối hợp và hướng dẫn các cấp, các ngành chủ động thực hiện tốt kế hoạch, phương án phòng chống, ứng phó sự cố, thiên tai.

b) Chủ trì kiểm tra, rà soát các vị trí sạt lở bờ sông, kênh, rạch trên địa bàn Thành phố; tổng hợp báo cáo trình Ủy ban nhân dân Thành phố công bố các vị trí sạt lở đặc biệt nguy hiểm và nguy hiểm trên địa bàn Thành phố năm 2024, thời gian hoàn thành trong quý III năm 2024. Đồng thời, chỉ đạo Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy tiếp tục tổ chức cắm biển cảnh báo sạt lở bờ sông, kênh, rạch đối với danh mục các vị trí sạt lở đã được công bố chưa có biển cảnh báo và duy tu, sửa chữa, thay thế những biển cảnh báo đã cắm nhưng bị mất, hư hỏng, ngã đổ; phối hợp với chính quyền địa phương tuyên truyền cho Nhân dân sinh sống xung quanh để biết và chủ động phòng, tránh. Triển khai thực hiện Quyết định số 629/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch tổng thể Phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các địa phương, đơn vị tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư, tu sửa, xử lý khẩn cấp các công trình phòng chống thiên tai mang tính cấp bách và kinh phí phục vụ cho công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn trong năm 2024.

d) Chủ trì, phối hợp các sở, ngành, đơn vị Thành phố triển khai hiệu quả Quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn Thành phố theo Quyết định số 44/2023/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

đ) Phối hợp chặt chẽ với Công ty TNHH Một thành viên Khai thác thủy lợi miền Nam và các đơn vị, địa phương liên quan trong việc vận hành điều tiết tích, xả lũ của hồ Dầu Tiếng hợp lý nhằm đảm bảo an toàn công trình, chủ động giảm lũ cho hạ du và nhiệm vụ cấp nước của hồ theo đúng quy định tại Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Đồng Nai, Quyết định số 3474/QĐ-BNN-TCTL ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy trình vận hành hồ chứa nước Dầu Tiếng và Quyết định số

2384/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Phương án điều tiết, vận hành hồ Dầu Tiếng đảm bảo an toàn hồ chứa và hạ du.

đ) Tiếp tục phối hợp với Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam Bộ phát các bản tin dự báo, cảnh báo về diễn biến của thời tiết, thiên tai để các cấp, các ngành và Nhân dân Thành phố chủ động phòng tránh, ứng phó; đặc biệt là phát bản tin dự báo các loại hình thiên tai cho khu vực Thành phố Hồ Chí Minh như: dự báo thời tiết, bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, giông sét, lốc xoáy, nắng nóng, hạn hán...

3. Bộ Tư lệnh Thành phố

a) Chủ trì, phối hợp Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Thành phố, Công an Thành phố, Cảng vụ Hàng hải Thành phố và Lực lượng Thanh niên Xung phong Thành phố chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện, trang thiết bị để kịp thời thực hiện công tác tìm kiếm cứu nạn khi xảy ra sự cố, thiên tai. Sẵn sàng phối hợp, hiệp đồng với các đơn vị ứng phó, hỗ trợ, chi viện cho các địa phương ngay khi có yêu cầu.

b) Tăng cường tập huấn, diễn tập phòng chống, ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cho lực lượng cán bộ, chiến sĩ thành thực nghiệp vụ để sẵn sàng, nhanh chóng thực hiện các nhiệm vụ được giao đạt hiệu quả cao nhất.

4. Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Thành phố chủ trì phối hợp các đơn vị, địa phương chuẩn bị sẵn sàng, triển khai kịp thời, hiệu quả kế hoạch, phương án tìm kiếm cứu nạn trên biển, ven biển, nhất là trong điều kiện bất lợi, đêm tối khi sự cố, thiên tai xảy ra.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Phối hợp với các địa phương và các đơn vị có liên quan tiến hành kiểm tra và báo cáo kết quả kiểm tra an toàn công trình thủy lợi, công trình phòng chống thiên tai trước mùa mưa lũ năm 2024 và đề xuất các biện pháp đảm bảo an toàn công trình xung yếu phát sinh, hoàn thành trong quý II năm 2024.

b) Chỉ đạo Chi cục Thủy sản nắm chắc vị trí, số lượng tàu cá, thuyền viên đang hoạt động đánh bắt thủy sản xa bờ; phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Thành phố và Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ chuẩn bị tốt phương án đảm bảo an toàn cho tàu cá trong điều kiện thiên tai xảy ra và xử lý kịp thời khi tàu cá gặp nạn.

c) Chỉ đạo rà soát quy hoạch sản xuất nông nghiệp, khuyến cáo tổ chức, cá nhân điều chỉnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với khả năng cấp nước, xâm nhập mặn

của từng vùng và có khả năng chống chịu tốt trước thời tiết, thiên tai; chủ động theo dõi tình hình thời tiết, hạn hán, xâm nhập mặn, thiên tai để chỉ đạo sản xuất, nuôi trồng và thu hoạch hiệu quả, hạn chế thiệt hại.

6. Sở Xây dựng

a) Chỉ đạo các đơn vị quản lý, duy tu, sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới, thay thế, vận hành có hiệu quả hệ thống thoát nước, các công kiểm soát triều, van ngăn triều, trạm bơm theo phân cấp; tổ chức ứng trực, huy động máy bơm, thiết bị để kịp thời ứng cứu các điểm ngập nặng phát sinh trong khu vực nội thị.

b) Phổ biến, hướng dẫn và kiểm tra các đơn vị, tổ chức, người dân thực hiện đúng tiêu chuẩn thiết kế, xây dựng các công trình công cộng, trụ sở cơ quan, nhà ở, chung cư nhằm có khả năng chịu được bão, lốc xoáy, giông gió có cường độ cao và khả năng kháng chấn khi có động đất xảy ra...; thực hiện hiệu quả Quyết định số 14/2023/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định các tiêu chí bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong sử dụng công trình, nhà ở đối với hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn Thành phố.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan triển khai nhiệm vụ tuyên truyền sâu rộng đến Nhân dân kiến thức ứng phó khi xảy ra động đất, sóng thần theo nhiệm vụ được phân công tại phương án Phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả động đất, sóng thần trên địa bàn Thành phố ban hành kèm theo Quyết định số 3205/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Chủ trì tham mưu, phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Thành phố, Bộ Tư lệnh Thành phố, Cảng vụ Hàng hải Thành phố, các địa phương, đơn vị liên quan tổ chức ứng phó, khắc phục kịp thời, bảo vệ môi trường trong trường hợp xảy ra các sự cố tràn dầu (trên sông, trên biển) theo Kế hoạch số 2947/KH-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ứng phó sự cố tràn dầu Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Sở Giao thông vận tải

a) Chủ trì, phối hợp với địa phương, đơn vị liên quan tăng cường kiểm tra hoạt động tại các bến khách ngang sông, bến đưa rước hành khách và các phương tiện vận tải hành khách, tàu cánh ngầm lưu thông trên các tuyến đường thủy nội địa địa

phương, tuyến đường thủy nội địa quốc gia (được ủy quyền); bảo đảm tuyệt đối an toàn khi tham gia giao thông đường thủy, nhất là trong điều kiện có thời tiết xấu, thiên tai (phương tiện phải được đăng kiểm, có hệ thống thông tin liên lạc, trang bị đầy đủ áo phao, phao cứu sinh và không chở quá tải).

b) Có phương án, kế hoạch đảm bảo an toàn cho người và phương tiện khi tham gia giao thông đường bộ trong điều kiện có sự cố, thiên tai xảy ra. Quan tâm đặc biệt đến các tuyến đường trọng điểm của Thành phố, các tuyến đường xung yếu, cầu yếu để ứng cứu, xử lý khi xảy ra ách tắc giao thông do sự cố, thiên tai trong thời gian ngắn nhất.

9. Sở Văn hóa và Thể thao phối hợp các địa phương, đơn vị tiếp tục tổ chức các chương trình huấn luyện bơi cho các em thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn, sinh sống ở địa bàn ven sông, kênh, rạch, nhằm trang bị cho các em những kiến thức, kỹ năng để hạn chế đuối nước.

10. Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai đến các cơ sở giáo dục, trường học trên địa bàn Thành phố có phương án đảm bảo an toàn cho học sinh, giáo viên khi xảy ra thiên tai, nhất là trong mùa mưa bão.

11. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Rà soát, khảo sát, lập danh sách hộ nghèo có nhu cầu hỗ trợ xây dựng nhà ở phòng, chống thiên tai giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 1337/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Kế hoạch Phòng, chống thiên tai trên địa bàn Thành phố đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

b) Triển khai chương trình tập huấn, tuyên truyền về phòng chống thiên tai cho đối tượng người khuyết tật trên địa bàn Thành phố.

12. Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành chức năng kiểm tra các tổng kho xăng dầu, kho chứa hóa chất độc hại, khuyến cáo các chủ cơ sở thực hiện các biện pháp phòng ngừa sự cố và đảm bảo an toàn khi xảy ra thiên tai.

b) Chuẩn bị sẵn sàng phương án huy động lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm thiết yếu để phục vụ cho công tác sơ tán dân và ứng phó thiên tai.

13. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông đóng trên địa bàn Thành phố kiểm tra các trạm tiếp sóng viễn thông, có phương án bảo đảm cho mạng thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, tiếp nhận, xử lý thông tin trong công tác phòng chống thiên tai thông suốt trong mọi tình huống.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan thường trực của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự - Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố và các doanh nghiệp viễn thông tổ chức thực hiện quy định tại Quyết định số 52/2022/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy trình tiếp nhận và xử lý thông tin phục vụ công tác cứu nạn, cứu hộ và nhấn tin cảnh báo thiên tai qua mạng thông tin di động trên địa bàn Thành phố.

14. Sở Y tế, Hội Chữ thập đỏ Thành phố

a) Chuẩn bị đủ lực lượng, phương tiện, trang thiết bị, vật tư y tế và thuốc chữa bệnh để đáp ứng nhu cầu cứu thương, chăm sóc sức khỏe cho người dân khi xảy ra sự cố, thiên tai; đặc biệt là người cao tuổi, phụ nữ có thai, trẻ em, người khuyết tật và các đối tượng yếu thế.

b) Chủ trì, phối hợp chặt chẽ với lực lượng vũ trang làm tốt công tác kết hợp quân - dân y trong ứng phó và khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai.

15. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ưu tiên nguồn vốn, kinh phí phục vụ cho công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn Thành phố.

16. Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố (Hepza), Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố chủ động triển khai thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn cho người lao động và công trình trọng yếu tại các khu chế xuất, khu công nghiệp khi xảy ra thiên tai.

17. Tổng công ty Điện lực Thành phố - TNHH

a) Đảm bảo nguồn điện liên tục trong thời gian xảy ra sự cố, thiên tai cho các cơ quan trọng yếu của Thành phố, địa phương, bệnh viện (bao gồm việc huy động nguồn máy phát điện dự phòng theo yêu cầu của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự - Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố).

b) Khi có sự cố lưới điện do các tình huống thời tiết xấu hoặc sự cố, thiên tai cần chủ động xử lý kịp thời, an toàn để tái lập điện phục vụ sản xuất, sinh hoạt trong thời gian sớm nhất.

18. Công ty TNHH Một thành viên Công viên Cây xanh Thành phố phối hợp với các địa phương, đơn vị rà soát toàn bộ hệ thống cây xanh ven đường, công viên, khu dân cư, trường học để xử lý, chặt tỉa cành, nhánh của các cây cao, dễ gãy đổ, cây mục rỗng, sâu bệnh, tán lá lớn... đảm bảo an toàn, hạn chế thấp nhất cây xanh ngã đổ do bão, giông gió, lốc xoáy gây thiệt hại, đặc biệt là tính mạng của người dân trong khi tham gia giao thông. Nghiên cứu, rà soát phương án trồng cây xanh trên địa bàn Thành phố đảm bảo phù hợp với quy hoạch cây xanh đô thị và an toàn khi xảy ra thiên tai. Khi xảy ra sự cố về cây xanh ngã đổ, phải khẩn trương huy động lực lượng, phương tiện tổ chức khắc phục các sự cố cây xanh nhằm giảm thiểu tối đa các thiệt hại.

19. Trung tâm Quản lý hạ tầng kỹ thuật Thành phố, Công ty TNHH Một thành viên Quản lý khai thác dịch vụ Thủy lợi Thành phố, Công ty TNHH Một thành viên Thoát nước đô thị Thành phố:

a) Phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện chuẩn bị lực lượng, phương tiện, trang thiết bị kịp thời xử lý các vị trí bờ bao, cống, đập ngăn triều, kênh dẫn dòng xung yếu; vận hành hiệu quả các cửa xả, cống, đập ngăn triều, trạm bơm khi có mưa lớn, triều cường, xả lũ.

b) Phối hợp với Tổng công ty Điện lực Thành phố - TNHH trong việc đảm bảo nguồn điện để vận hành các công trình ứng phó ngập lụt.

20. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện

a) Rà soát, hoàn chỉnh các Phương án phòng chống, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của địa phương tương ứng với từng loại hình thiên tai, tình hình sự cố tai nạn phù hợp với thực tế tại địa phương trong năm 2024 để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ kịp thời, hiệu quả. Sẵn sàng phương án sơ tán, đảm bảo an toàn dân cư, cơ sở hạ tầng khi xảy ra sự cố, thiên tai trên địa bàn quản lý.

b) Thường xuyên rà soát, củng cố, kiện toàn lực lượng quản lý đê Nhân dân tại phường - xã - thị trấn nơi có đê. Chủ động, thường xuyên kiểm tra, rà soát công trình thủy lợi, đê điều, phòng chống thiên tai để kịp thời phát hiện và xử lý các vị trí xung

yếu; tổ chức thực hiện tốt phương châm “bốn tại chỗ”, chuẩn bị sẵn sàng vật tư và nguồn nhân lực tại chỗ để kịp thời xử lý các sự cố bờ bao, đê bao gây ngập úng trong mùa mưa bão năm 2024.

c) Tăng cường công tác quản lý, ngăn chặn, xử lý dứt điểm các vi phạm pháp luật về đê điều và các trường hợp san lấp, lấn chiếm sông, kênh, rạch gây sạt lở, làm tắc nghẽn dòng chảy, hướng thoát nước tự nhiên trên địa bàn. Kiên quyết xử lý các bến bãi tập kết vật liệu, xây dựng công trình, nhà xưởng trái phép ảnh hưởng đến an toàn đê điều, nhất là các tuyến đê bao thuộc dự án Bờ hữu ven sông Sài Gòn khu vực huyện Củ Chi, huyện Hóc Môn, Quận 12.

d) Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện tập trung chỉ đạo các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thi công, hoàn thành dứt điểm các công trình phòng, chống thiên tai đã có chủ trương của Ủy ban nhân dân Thành phố; phối hợp với chủ đầu tư các dự án tiêu thoát nước, chống ngập, chống sạt lở đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng để dự án sớm được triển khai thi công và hoàn thành đưa vào sử dụng đảm bảo tiến độ và chất lượng công trình; nếu địa phương nào để xảy ra tình trạng bể bờ bao, tràn bờ bao, sạt lở bờ sông, kênh, rạch (đã được cảnh báo của cơ quan chức năng) ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất, tài sản và tính mạng của Nhân dân thì lãnh đạo địa phương đó phải chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố.

đ) Thường xuyên rà soát, củng cố, kiện toàn Đội xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã nhằm nâng cao hiệu quả phương châm “bốn tại chỗ” trong phòng chống thiên tai; báo cáo kết quả thực hiện về Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự - Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

e) Rà soát, kiểm tra, yêu cầu các chủ đầu tư, các hộ dân thực hiện nghiêm túc trách nhiệm sửa chữa, gia cố các đoạn bờ bao nằm trong khu đất đang quản lý, sử dụng; đảm bảo tính đồng bộ ngăn triều trên toàn tuyến, không để tràn, bể và sạt lở bờ bao. Đối với các chủ đầu tư xây dựng dự án hạ tầng, khu dân cư, các hộ dân có đất nhưng bỏ hoang không sản xuất, không xây dựng công trình, không bảo vệ, duy tu bờ bao trên phần đất của mình, các địa phương có biện pháp xử lý kiên quyết, phạt hành chính, thu hồi hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật.

g) Khuyến cáo chủ đầu tư, người dân có sở hữu các công trình ngầm chuẩn bị và thực hiện tốt nhất phương án chống ngập khi mưa bão, triều cường xảy ra.

h) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Văn hóa và Thể thao, các đơn vị có liên quan kiểm tra, khuyến cáo, yêu cầu các doanh nghiệp quảng cáo thực hiện chằng chống, gia cố các pa-nô, áp-phích, bảng quảng cáo đúng kỹ thuật, đề phòng gãy đổ gây tai nạn khi có bão, lốc xoáy, giông gió; đặc biệt, là các bảng quảng cáo có kích thước lớn nằm trong khu dân cư trên địa bàn Thành phố phải đúng yêu cầu kỹ thuật quy định nhằm đảm bảo an toàn tuyệt đối, có khả năng chống chịu được sức gió mạnh khi có mưa giông, gió giật xảy ra.

i) Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về phòng chống thiên tai; tập huấn, diễn tập ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cho các tổ chức, lực lượng trên địa bàn.

k) Hoàn thành thanh quyết toán kinh phí tạm ứng cho địa phương từ nguồn Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố còn tồn đọng qua các năm. Tổ chức triển khai việc thu Quỹ Phòng, chống thiên tai năm 2024 đạt kết quả cao theo quy định của Trung ương và Thành phố.

l) Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án di dời các hộ dân tại các khu vực xung yếu, trong đó tập trung tổ chức di dời trước đối với những hộ dân đang sinh sống trong khu vực có nguy cơ bị ảnh hưởng của thiên tai.

21. Đài Truyền hình Thành phố, Đài Tiếng nói nhân dân Thành phố và các cơ quan thông tấn báo chí Thành phố cung cấp thông tin, cảnh báo, dự báo tình hình diễn biến thời tiết, thiên tai một cách nhanh chóng, kịp thời, chính xác; tăng thời lượng phát sóng các chương trình tuyên truyền các biện pháp phòng ngừa, ứng phó thiên tai để Nhân dân biết và tự chủ động phòng, tránh, ứng phó an toàn.

22. Các sở, ban, ngành, các Tổng Công ty Nhà nước đóng trên địa bàn Thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm chỉ đạo, triển khai thực hiện tốt công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trong phạm vi đơn vị mình. Đồng thời, phải chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện, trang thiết bị, vật tư cần thiết để tham gia phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo yêu cầu, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố và Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự - Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

23. Các cấp, các ngành, các đơn vị tổ chức trực ban nghiêm túc, đảm bảo chế độ thông tin, báo cáo, đặc biệt là khi có sự cố, thiên tai xảy ra và trong những ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố. Khi xảy ra sự cố, thiên tai phải thực hiện ngay công tác ứng phó và khắc phục hậu quả.

Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, các Tổng Công ty Nhà nước, cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn Thành phố, các thành viên Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự - Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, các quận - huyện triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Hoan

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng